

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 08 - 02 - 2018
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh.**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hồng Nguyên.**
2. Bà **Phạm Thị Liễu.**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Th ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST – HNGĐ ngày 30/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Kim T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 68/32, tổ 13, ấp NL3, PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Trần Văn Ti, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 68/8, tổ 13, ấp NL3, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ti vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến của nguyên đơn chị Tạ Thị Kim T:

Chị và anh Trần Văn Ti tự tìm hiểu yêu Thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2013. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP, Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/10/2013. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh Ti không tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên lục đục. Mặt khác vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được. Nay chị không còn tình cảm với anh Ti nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Ti.

Về con chung: Chị và anh Ti có 01 con chung là: Trần Anh Th, sinh ngày 13/10/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh Ti cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị T kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, nợ riêng: Chị T kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Sổ hộ khẩu của chị T (Bản sao); Đơn xin xác nhận Hộ khẩu thường trú của anh Ti (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân của chị T (Bản sao); Giấy khai sinh của cháu Th (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị T không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Anh Ti vắng mặt không có lý do đã được Tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tạ Thị Kim T. Chị T được ly hôn với anh Trần Văn Ti.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Anh Th, sinh ngày 13/10/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Ti không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị T kê khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh Ti nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về nợ chung: Chị T kê khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh Ti nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa chị T vắng mặt do chị có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ti vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặt nên anh chị không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 01/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của chị Tạ Thị kim T về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” đối với anh Trần Văn Ti – 1988, Địa chỉ: 68/8, Tổ 13, ấp NL3, xã PT, huyện TP, Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Chị Tạ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Ti, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh Th, sinh ngày 13/10/2014. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

[3]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017, chị Tạ Thị kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn Ti. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị T là nguyên đơn, anh Ti là bị đơn trong vụ án.

[4]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Tạ Thị kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của chị T về việc vắng mặt tại phiên tòa xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Anh Trần Văn Ti là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Ti đến Tòa án làm việc, nhưng anh Ti vẫn vắng mặt nên không có lời khai của anh Ti và không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Trần Văn Ti.

[5]. Về nội dung vụ án:

Chị T, anh Ti tự nguyện kết hôn với vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/10/2013. Hôn nhân của chị T, anh Ti thực hiện đúng pháp luật vì vậy khi chị T có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được. Vợ chồng không đồng lòng đồng sức chăm lo cho gia đình dẫn đến trong cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, tình cảm vợ chồng từ đó dần phai nhạt. Qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc. Trong thời gian vợ chồng anh chị sống ly thân không qua lại để hàn gắn tình cảm. Vì vậy, để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống nên chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của chị T là cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Ti là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T, anh Ti có 01 con chung là Trần Anh Th, sinh ngày 13/10/2014. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh Th. Xét thấy chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy, yêu cầu này của chị T là đảm bảo quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

Chị T không yêu cầu anh Ti cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho anh Ti. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Chị T kê khai không có nên không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh Ti nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị T kê khai không có nên không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh Ti nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị kim T.

Chị Tạ Thị kim T được ly hôn anh Trần Văn Ti.

- Về con chung: Chị T, anh Ti có 01 con chung là Trần Anh Th, sinh ngày 13/10/2014.

Giao cháu Trần Anh Th cho chị Tạ Thị kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Ti không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ti có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

2. Về án phí: Chị Tạ Thị kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp tạm

ứng án phí tại biên lai thu số 007325 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú chuyển thành án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Chị T, anh Ti có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 108/2013, quyền số 01/2012 ngày 29/10/2013);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh